

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG – AN GIANG**

**Địa chỉ: Số 90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, Phường Mỹ
Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**
Điện thoại: 0763. 931000; Fax: 0763. 934034



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
Năm báo cáo: 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CUULONG FISH JOINT STOCK COMPANY.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600680398
- Vốn điều lệ: 183.996.750.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 280.388.492.770
- Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, P. Mỹ Quý, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Số điện thoại: 076 3931000 – 076 3935828
- Số fax: 076 3932446 – 076 3932099
- Website: www.cfish.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): ACL

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2003 các thành viên gia đình đã thành lập Công ty TNHH XNK Thủy sản Cửu Long An Giang, theo giấy chứng đăng ký kinh doanh Số 5202000209 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 05/03/2003 (Vốn điều lệ là 22 tỷ đồng).
- Tháng 02/2005 Cty TNHH XNK TS Cửu Long An Giang chính thức đi vào hoạt động với Vốn điều lệ 22 tỷ đồng.
- Tháng 04/2007 Cty TNHH XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang chuyển đổi sang Cty Cổ Phần XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.
- Tháng 09/2007 Công ty chính thức niêm yết tại Sở GDCK Tp. HCM. Tại thời điểm chuyển đổi Vốn điều lệ: 90 tỷ đồng.
- 06/2009: Đưa nhà máy thứ hai đi vào hoạt động
- Tháng 07/2010 Công ty phát hành thêm 2.000.000 Cổ phiếu, nâng Vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng.
- 05/2011: Trại nuôi CL –Fish đón nhận giấy chứng nhận Global Gap do Bureau Veritas cấp.

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

- Tháng 10/2011 Công ty phát hành thêm Cổ phiếu thường nâng Vốn điều lệ 183.996.750.000 đồng
- 03/2011: Đạt mức thuế suất 0% vào thị trường Mỹ đồng thời Cty cũng là 1 trong 3 doanh nghiệp được phép xuất khẩu vào thị trường Braxin
- 03/2012: Sáp nhập Cty CP Chế biến thức ăn thủy sản vào Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.
- 08/2012: CL-Fish nhận giấy chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn Bap-Best Aquaculture Practice) với cấp độ “2 sao” cho nhà máy chế biến và vùng nuôi do GAA (liên minh thủy sản toàn cầu) cấp. Đây là tiêu chuẩn được sự chọn lựa của rất nhiều nhà phân phối bán lẻ ở Mỹ.
- 09/2012: đánh giá thành công ISO 22000; BRC và IFS Phiên bản 6.
- Tháng 04/2013 nhà máy chế biến thức ăn thủy sản của CL-Fish đi vào hoạt động, hướng đến qui trình sản xuất khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng, chế biến xuất khẩu.
- Tháng 07/2013 Công ty đạt chứng nhận ASC. ASC là sự xác nhận cấp quốc tế đối với thủy sản được nuôi có trách nhiệm, giảm thiểu tối đa tác động xấu lên môi trường, hệ sinh thái, cộng đồng dân cư và đảm bảo tốt các quy định về lao động.
- Các sự kiện khác:
 - + Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín nhiều năm liền (từ năm 2008 đến nay).
 - + Đạt giải thưởng “ Sao Vàng Đất Việt” năm 2010
 - + Năm trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2014.
 - + Tháng 09/2014, đưa thương hiệu thức ăn thủy sản “ CỬU LONG FEED” rộng rãi trên thị trường nội địa.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực: Khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu.
Sản phẩm chính : Cá tra Fillet
- Địa bàn kinh doanh :
 - + Địa chỉ trụ sở chính: Số 90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, P. Mỹ Quý, Tp Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

- + Địa bàn nuôi trồng thủy sản: tập trung tại các tỉnh An Giang và Đồng Tháp.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị của Cty bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Ban kiểm soát
- + Hội đồng quản trị
- + Ban Tổng Giám Đốc
- + Các phòng ban chức năng

– Cơ cấu bộ máy quản lý:

- + Ban Tổng Giám đốc
- + Phòng Tổ chức hành chánh
- + Phòng Kế toán
- + Phòng Kinh doanh
- + Phòng Công nghệ
- + Phòng Điều hành sản xuất
- + Phân xưởng 1
- + Phân xưởng 2
- + Vùng nuôi nguyên liệu
- + Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển:

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Cung cấp nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn và tốt cho sức khỏe người tiêu dùng.
- + Giữ vững hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu của các thị trường trên thế giới.
- + Giữ vững lượng khách hàng ổn định, nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi Cổ đông.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải gắn chặt với nhu cầu thị trường; sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư ngoài ngành; tiết giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh.

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

- + Cân đối cung cầu, sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Sản xuất, chế biến phải dựa theo nhu cầu từng thị trường, tín hiệu thị trường, chú trọng chất lượng không chạy theo số lượng, xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Cá Tra/Basa CL-Fish.
- + Đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao tỷ lệ các mặt hàng có giá trị gia tăng.
- + Đa dạng hóa thị trường, nhằm tránh rủi ro do việc tập trung quá nhiều vào một thị trường.
- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**
 - + Tạo việc làm ổn định cho người lao động, đảm bảo đời sống kinh tế ngày càng phát triển.
 - + Bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên đảm bảo sự phát triển kinh tế hài hòa với môi trường sinh thái.
 - + CL-Fish luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước cũng như đóng góp từ thiện hay xây dựng cộng đồng

6. Các rủi ro:

- CL-Fish là công ty chuyên về xuất khẩu vì thế luôn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nền kinh tế thế giới, khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến việc nợ xấu gia tăng, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp...
- Ngành sản xuất cá tra luôn phải đối mặt với các chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu. Đặc biệt là vụ kiện chống bán phá giá của Mỹ POR 09, đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình xuất khẩu năm 2014 của công ty tại thị trường này.
- Người nuôi cá treo ao, công ty phải đầu tư gần 80% sản lượng cho nuôi trồng vì thế việc các yếu tố về chất lượng nguồn nước, bệnh cá, chất lượng giống, mưa bão, lũ lụt... đều có thể là nguyên nhân gây rủi ro cho sản xuất cá tra. Các yếu tố này có thể làm cho tỷ lệ chết của cá nuôi cao, nguồn nước bị nhiễm mặn hoặc phèn hoặc bị bẩn đục... làm gia tăng mức độ rủi ro cho hoạt động này, hậu quả là làm giảm sản lượng cá tra nuôi hoặc thậm chí bị mất toàn bộ sản lượng nếu mức độ rủi ro lớn...
- Để đảm bảo cho toàn bộ quá trình nuôi trồng và sản xuất chế biến cung cấp những sản phẩm chất lượng. CL-Fish luôn cập nhật các thay đổi và những quy định mới về tiêu chuẩn chất lượng, cũng như

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

luôn điều chỉnh chính sách cho phù hợp với cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2014 ngành sản xuất cá tra vẫn tiếp tục đối diện với những khó khăn, những tồn tại tuy không còn mới nhưng vẫn chưa giải quyết được. Trong bối cảnh đó, CL-Fish vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đã có nhiều nỗ lực để đảm bảo mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận.
- Quy trình sản xuất được điều chỉnh hợp lý nhằm tăng năng suất lao động, giảm định mức, tiết kiệm nguyên vật liệu. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao thông qua việc tăng cường các hoạt động kiểm soát thường xuyên.
- Công tác thống kê, báo cáo, kiểm tra giám sát hàng tồn kho thực hiện tốt. Chi phí quản lý sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, tiết giảm đáng kể...

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| Năm Chỉ số | Năm 2013 | Kế hoạch 2014 | Thực tế 2014 | % thực tế 2014 | % thực tế 2014 so với 2013 |
|------------------------------------|----------|------------------|-----------------|-------------------|----------------------------------|
| Sản lượng xuất khẩu (tấn) | 14.669 | 15.000 | 12.069 | 80% | 82% |
| Doanh thu thuần (tỷ đồng) | 987 | 1.020 | 854 | 84% | 87% |
| Doanh thu xuất khẩu (triệu USD) | 39,56 | 40 | 30,57 | 76% | 77% |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 5,46 | 20 | 14,09 | 70% | 158% |

❖ Nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch năm:

- Các chỉ tiêu như sản lượng, doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra. Do năm 2014 Công ty giảm lượng xuất khẩu vào Mỹ (thị trường chính của CL-Fish năm 2013)

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

một cách đáng kể do bị áp thuế chống bán phá giá tại POR 9, cộng thêm xu hướng giá cá xuất khẩu tiếp tục giảm trong tình hình kinh tế chưa thoát khỏi suy thoái, thị trường xuất khẩu ngày càng bị thu hẹp, dẫn đến các Doanh nghiệp Việt Nam cạnh tranh nhau bán giảm giá, hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt thấp...

- Do giá trị xuất khẩu cá tra không ổn định, giá cả thay đổi liên tục nên khách hàng không dám đặt hàng nhiều như trước, cộng với việc phương thức thanh toán một số khách hàng không an toàn Công ty cũng từ chối nhiều đơn hàng dẫn đến việc giảm lượng bán đáng kể.

3. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

a) Bà Trần Thị Vân Loan: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

- + Giới tính: Nữ
- + Ngày tháng năm sinh : 20/10/1971
- + Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- + Địa chỉ thường trú: 20/16 Nguyễn Bính, Khu phố Nam Quang (H29), Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM.
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh (Trường Đại học Kinh tế Tp HCM)
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 21,62%

b) Ông Trần Tuấn Khanh : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 30/4/1978
- + Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch : Việt Nam
- + Địa chỉ thường trú : 70/6 Lê Triệu Kiệt, Phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- + Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,87%

c) Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

- + Giới tính : Nữ

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

- + Ngày tháng năm sinh : 07/03/1984
- + Dân tộc : Kinh ; Quốc tịch : Việt Nam
- + Địa chỉ thường trú : 276 Khánh Hội, Phường 5, Quận 4, Tp HCM
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Quản lý nhân sự Trường Đại học La trobe (Australia).
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0

d) Ông Trương Minh Duy: Kế toán trưởng

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 04/09/1985
- + Địa chỉ thường trú : Xã Phú Thạnh, Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0

Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ngày 02/10/2014, HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang đã ban hành quyết định số 04/NQ-HĐQT/CLAG về việc bổ nhiệm Ông Trương Minh Duy cử nhân kinh tế ngành Kế toán Doanh nghiệp giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 02/10/2014 thay thế Bà Nguyễn Thị Bích Vân xin từ nhiệm.

Hội đồng quản trị:

- + Bà Trần Thị Vân Loan: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- + Ông Trần Tuấn Khanh: Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
- + Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến: Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
- + Ông Trần Văn Nhân: Thành viên
- + Ông Nguyễn Ngọc Trang: Thành viên HĐQT độc lập

Ban kiểm soát:

- + Ông Phù Chí Khai: Trưởng ban kiểm soát
- + Ông Nguyễn Tấn Tới: Thành viên

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

+ Bà Phạm Thị Hồng Ngọc: Thành viên

– **Những thay đổi trong Ban Ban kiểm soát**

Ngày 28/07/2014 Ban kiểm soát bổ nhiệm Ông Phù Chí Khai làm Trưởng ban kiểm soát thay thế Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên xin từ nhiệm.

– **Số lượng Cán bộ Công nhân viên**

+ **Số lượng Cán bộ Công nhân viên: 1.508 người**

+ **Chính sách đối với người lao động:**

- Trong nhiều năm qua CL-Fish luôn xây dựng tương lai trên nền tảng đảm bảo sự phát triển công bằng xã hội, đảm bảo quyền lợi nhân viên và sự đóng góp cho cộng đồng.
- Theo xu hướng tiến tới thành một công ty qui mô và vững vàng trong ngành sản xuất xuất khẩu, Công ty luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của người lao động, bởi chính điều đó mang đến hiệu suất làm việc tối ưu nhất. Điều kiện làm việc tốt và an toàn là ưu tiên hàng đầu, nhằm tạo được cảm giác làm việc thoải mái và an tâm cho toàn thể công nhân và CB-CNV.
- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- **Các khoản đầu tư lớn:** Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu 01/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10%VĐL, mệnh giá 10.000đ/CP. Theo công văn số 83/CLAG/08 ngày 27/05/2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/CP.
- **Các công ty con, công ty liên kết:** không có

5. Tình hình tài chính

- **Tình hình tài chính:**

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng/ giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản | 718.956.641.775 | 837.340.913.180 | 16% |
| Doanh thu thuần | 987.211.658.990 | 854.489.733.407 | (13%) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.634.985.907 | 14.650.560.032 | 160% |
| Lợi nhuận khác | (176.313.217) | (562.001.816) | (219%) |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.458.672.690 | 14.088.558.216 | 158% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.148.217.772 | 12.312.210.987 | 139% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 280 | 669 | 139% |

Các chỉ tiêu khác: không có

– Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | 2013 | 2014 | Ghi chú |
|--|-------|-------|---------|
| Khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ / Nợ ngắn hạn | 1,07 | 1,07 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 0,62 | 0,52 | |
| Cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số nợ/Tổng TS | 0,67 | 0,67 | |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,67 | 1,99 | |
| Năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/HTK BQ | 3,08 | 2,98 | |
| + Danh thu thuần/Tổng TS | 1,37 | 1,02 | |
| Khả năng sinh lợi | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,52% | 1,44% | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH | 1,91% | 4,39% | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,72% | 1,47% | |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,57% | 1,71% | |

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 18.399.675 cổ phần
- Số lượng cổ phần được mua lại: 0 Cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 18.399.675 cổ phần

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.387.875 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 11.800 Cổ phần

a. Cơ cấu cổ đông:

| Chỉ tiêu | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
|---|------------------|---------|
| - Cổ đông lớn và Cổ đông nhỏ | 18.399.675 | 100% |
| + Cổ đông lớn: | 10.320.056 | 56% |
| + Cổ đông nhỏ: | 8.079.619 | 44% |
| - Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân: | 18.399.675 | 100% |
| + Cổ đông tổ chức: | 882.617 | 5% |
| + Cổ đông cá nhân: | 17.517.058 | 95% |
| - Cổ đông trong nước và Cổ đông ngoài nước: | 18.399.675 | 100% |
| + Cổ đông trong nước: | 17.701.231 | 96% |
| + Cổ đông ngoài nước: | 698.444 | 4% |
| - Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác: | | |
| + Cổ đông nhà nước | | |
| + Cổ đông khác | | |

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

d. Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

| Năm Chỉ số | Kế hoạch 2014 | Thực hiện 2014 | % thực hiện 2014 |
|---------------------------------|------------------|-------------------|---------------------|
| Sản lượng xuất khẩu (tấn) | 15.000 | 12.069 | 80% |
| Doanh thu thuần (tỷ đồng) | 1.020 | 854 | 84% |
| Doanh thu xuất khẩu (triệu USD) | 40 | 30,57 | 76% |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 20 | 14,09 | 70% |

- Năm 2014 kết thúc, khép lại một năm “trầm lắng” cho Doanh Nghiệp xuất khẩu cá Tra Việt Nam, khi mà nhu cầu thị trường chưa hồi phục, hoạt động sản xuất và chế biến trong nước khó khăn, tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực này ước đạt 1,75 tỷ USD, tương đương với năm trước.
- Do đó, năm 2014 được đánh giá tiếp tục là năm khó khăn ngành xuất khẩu Cá tra Việt Nam, cộng đồng doanh nghiệp sản xuất và chế biến cá tra đã và đang trải qua cuộc sàng lọc khắc nghiệt để tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, sự thu hẹp này vẫn chưa tạo được xu hướng tăng giá bán do kinh tế thế giới trì trệ, nợ xấu gia tăng. Cộng với sự sụt giảm đáng kể của Thị Trường Mỹ năm 2014 của CL-Fish do bị áp thuế chống bán phá giá tại Por 9. CL-Fish phải bán số lượng lớn hơn sang các thị trường khác ở những phân khúc thấp với giá bán thấp hơn.
- Năm qua, sự cạnh tranh khốc liệt để giành lấy thị trường của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá tra ngày càng tăng, các rào cản kỹ thuật đối với thương mại của các nước nhập khẩu ngày càng nhiều, các yêu cầu, điều kiện ngày càng khắt khe. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động bán giá thấp hơn để cạnh tranh, giành lấy thị trường ảnh hưởng đến giá xuất khẩu của CL-Fish.
- Tuy nhiên, trong điều kiện hết sức khó khăn trong suốt thời gian qua của ngành. Kết quả đạt được năm 2014 của CL-Fish vẫn là một điểm sáng đáng khích lệ, tỷ lệ sinh lời có thấp nhưng CL-Fish vẫn tăng trưởng tốt, công nhân viên công ty vẫn đảm bảo công việc làm, lương thưởng thỏa đáng và các khâu trong mọi hoạt động đều được cải thiện theo hướng hiệu quả hơn.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của công ty lành mạnh, giữ được uy tín và mối quan hệ tốt với các tổ chức Ngân hàng trong và ngoài nước, vốn cho sản xuất kinh doanh vẫn được đảm bảo

a) Tình hình tài sản

- Vòng quay tài sản = Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân
= 1,10 (1 đồng tài sản tạo ra 1,1 đồng doanh thu).
- Hiệu quả sử dụng tài sản (ROA) = (Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân tài sản) ROA = 0,02 (1 đồng tài sản tạo ra 0,02 đồng lợi nhuận)
- Tỷ số cho biết hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập của Doanh nghiệp, tỷ số này bé hơn 0 có nghĩa Cty hoạt động không có lãi

b) Tình hình nợ phải trả

- **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**
 - Công ty thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.
 - Hiện tại mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Do đó, không có biến động nào lớn về công nợ phải trả.
- **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong thời gian dài, nền kinh tế dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng CL-Fish vẫn ổn định và duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh. Là do Ban giám đốc luôn đặt trọng tâm kiểm soát chi phí, sử dụng tối đa nguồn nhân lực một cách có hiệu quả. Vì thế, công tác quản lý chi phí sản xuất đạt được nhiều tiến bộ đáng kể, góp phần hạ giá thành sản phẩm. cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn nhưng hoạt động hiệu quả hơn.
- Mặc dù, không có sự tăng trưởng mạnh, nhưng Ban Tổng giám đốc đã xây dựng nên một nền tảng rất vững chắc bằng cách tập trung gia tăng chuỗi giá trị theo chiều sâu, bằng sự chuyên nghiệp trong sản xuất. Có qui trình sản xuất khép kín toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng đến chế biến.
- Vùng nuôi lớn đáp ứng trên 80% nguyên liệu sản xuất, đạt chứng chỉ nuôi bền vững, chất lượng nguyên liệu luôn được đảm bảo. CL-Fish luôn tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật và an toàn vệ sinh thực phẩm để cá nuôi đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản Cá tra Cửu Long An Giang được xây dựng và hoạt động theo quy mô hiện đại, chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế, Từ đầu năm 2015, thương hiệu thức ăn thủy sản CỬU LONG FEED đã được đưa ra thị trường với sản phẩm thức ăn thủy sản chất lượng cao.

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

- Đầu tháng 04/2015, HĐQT CL-Fish đã quyết định đầu tư thêm một Công ty Con, bằng cách nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 60 tỷ đồng của Cty TNHH MTV XNNK Thủy sản Đông Á là Công ty chuyên về nuôi trồng, chế biến xuất khẩu thủy sản.
- Việc phát triển tốt mảng kinh doanh thức ăn thủy sản thương hiệu CỬU LONG FEED, cùng với việc có được nhà máy Đông Á năm 2015 dự kiến doanh số cho CL-Fish sẽ gia tăng một cách đáng kể.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Từ những tồn đọng trong suốt thời gian qua, theo nhận định chung thị trường cá tra năm 2015 rất khó đoán. Vì thế, mục tiêu chính là phải tập trung quản lý tốt con giống, nguyên liệu đầu vào, phải đảm bảo chất lượng theo cam kết và những quy định quốc tế.

- Các giải pháp trọng tâm là ổn định sản xuất, quy hoạch diện tích, sản lượng nuôi trồng, thiết lập cơ chế quản lý, kiểm soát chất lượng, giá cả và các yếu tố kỹ thuật nhằm giảm giá thành sản xuất.
- Ngoài sản phẩm phôi truyền thống, Công ty cần đa dạng hóa các sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường; kiểm tra chặt chẽ và duy trì thường xuyên an toàn vệ sinh thực phẩm trong chuỗi khép kín từ sản xuất chế biến đến tiêu thụ, nhằm đáp ứng các điều kiện nhà nhập khẩu...
- Song song với việc gia tăng hoạt động nuôi trồng để ổn định hoạt động sản xuất, CL-Fish cũng tăng cường đầu tư vào mảng chế biến thức ăn thủy sản, để luôn chủ động được nguồn thức ăn đạt tiêu chuẩn chất lượng cao mà giá thành lại rẻ.
- củng cố và phát triển các thị trường bằng chất lượng và giá thành cạnh tranh. Đa dạng hóa được thị trường ở các phân khúc khác nhau. Tăng cường bán sản phẩm giá trị gia tăng.
- Hoàn thiện chính sách khuyến khích và thúc đẩy doanh số cho đội ngũ bán hàng...

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2014, CL-Fish đã không đạt được kế hoạch lợi nhuận đề ra. Bởi vì, ngành thủy sản Việt Nam vẫn còn đang loay hoay trong cái vòng lẩn quẩn với những vấn đề tuy không phải là mới nhưng vẫn chưa giải quyết được. Cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đã và đang trải qua cuộc sàng lọc khắc nghiệt để tồn tại và phát triển một cách hết sức nghịch lý. Một sản phẩm luôn được người tiêu dùng các nước ưa chuộng, sản phẩm luôn được đòi hỏi phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn chất lượng cao nhất, được kiểm tra chất lượng nhiều hơn bất kỳ loại cá nào... nhưng lại luôn bị các nhà nhập khẩu làm sao để trả được giá thấp nhất.
- Đi sâu vào tình hình chung của ngành mới thấy rõ kết quả kinh doanh của CL-Fish mặc dù không đạt được kế hoạch đề ra nhưng hết sức có ý nghĩa trong bối cảnh mà Doanh nghiệp chế biến xuất khẩu Cá tra đang lao đao do sức mua kém, giá cá luôn có xu hướng giảm, các thị trường chính hầu như giảm lại, liên tục đối diện vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ với mức thuế cao, nợ xấu gia tăng...
- Mặc dù doanh thu và lợi nhuận không đạt mục tiêu đề ra nhưng CL-Fish vẫn tăng trưởng tốt so với các công ty cùng ngành, chúng ta vẫn đảm bảo công ăn việc làm, lương thưởng thỏa đáng cho người lao động. Tăng trưởng tốt về chiều sâu các mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Tổng giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Năm 2015 vẫn tiếp tục là một năm gặp khó đối với ngành xuất khẩu Cá tra. Vì thế, Ban giám đốc luôn đặt trọng tâm kiểm soát chi phí và sử dụng tối đa nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững lượng khách hàng.
- + **Sản phẩm:** Công ty định hướng đầu tư chiều sâu cho con cá tra và mở rộng phạm vi kinh doanh ở những lĩnh vực có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau với ngành chế biến thủy sản đồng thời chú trọng đến việc tối ưu hóa giá trị của các sản phẩm phụ từ cá tra.

Gia tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng và hàng có chứng nhận đối với mặt hàng Cá Tra.

- + **Nhân sự:** Tổng giám đốc đã xây dựng được đội ngũ lãnh đạo, tập thể nhân viên đoàn kết gắn bó, có năng lực chuyên môn giỏi, có ý thức trách nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc đã tổ chức lại nhân sự tại các bộ phận trực thuộc, tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh lại cung cách quản lý...
- + **Tình hình sản xuất:** Công ty hiện đang sở hữu hệ thống sản xuất cá tra khép kín từ sản xuất thức ăn thủy sản, vùng nuôi đến nhà máy chế biến đạt các chứng nhận quốc tế. Công tác nuôi trồng và thu mua nguyên liệu linh hoạt và kịp thời, đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Định mức chế biến ngày càng cải thiện tốt hơn do những nỗ lực từ khâu chất lượng thức ăn, chất lượng nuôi, chất lượng cá nguyên liệu và cải tiến trong sản xuất chế biến.
- + **Công tác bán hàng:** giữ được mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống và không ngừng mở rộng, tích cực tìm kiếm các khách hàng tiềm năng. Chính sách bán hàng linh hoạt và đảm bảo được tính an toàn.
- Vì thế, mặc dù không đạt kế hoạch đề ra, nhưng Ban Giám đốc cố gắng hết sức trong việc giữ vững được thị trường, giữ được khách hàng truyền thống và không ngừng gia tăng khách hàng mới dù sản lượng xuất khẩu có giảm. Đạt được chứng chỉ nuôi bền vững cho Vùng nuôi và nhà máy, đã đầu tư và khai thác nhà máy thức ăn và vùng nuôi một cách có hiệu quả nhất, giảm giá thành sản phẩm tạo sức cạnh tranh với các công ty cùng ngành...
- Tình hình tài chính tốt, không có gánh nặng lãi vay, có được nguồn tài trợ lãi suất cho các dự án mới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục chú trọng vào năng lực cốt lõi là con cá tra, có uy tín về chất lượng hàng hóa và hệ thống quản lý chất lượng, công tác nuôi trồng, sản xuất thức ăn và chế biến khép kín giúp chủ động về nguồn nguyên liệu và tối ưu hóa lợi nhuận của các phân khúc giá trị khác nhau.
- Vấn đề chất lượng, năng lực tài chính là rất quan trọng. Bên cạnh đó đó kinh nghiệm theo dõi biến động thị trường, dự báo giá cả và

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

khả năng đàm phán với các nhà nhập khẩu. Có chiến lược phát triển thị trường đa dạng hơn, nhằm tránh rủi ro tập trung vào một hoặc một vài thị trường khách hàng nhất định. Gia tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng và hàng có chứng nhận đối với mặt hàng cá tra.

- xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu quản lý công ty từng thời kỳ.
- Ngành thủy sản dần sẽ có sự sắp xếp lại, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp có cải tiến và chiến lược kinh doanh đúng đắn, tiếp tục tồn tại và lớn mạnh.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------|---------|--------------------|
| 1 | TRẦN THỊ VÂN LOAN | Chủ Tịch HĐQT | 21,62% | |
| 2 | TRẦN TUẤN KHANH | Thành Viên HĐQT | 5,87% | |
| 3 | NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN | Thành Viên HĐQT | 0 | |
| 4 | TRẦN VĂN NHÂN | Thành Viên HĐQT | 5,72% | Không điều hành |
| 5 | NGUYỄN NGỌC TRANG | Thành Viên HĐQT | 0 | Thành viên độc lập |

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------------|------------|---|
| 1 | 01/NQ-HĐQT/CLAG/2014 | 19/02/2014 | - V/v Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014. |
| 2 | 02/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2014 | 17/04/2014 | - NQ Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014. |
| 3 | 03/ NQ-HĐQT/CLAG/2014 | 02/10/2014 | - V/v miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng |
| 4 | 04/ NQ-HĐQT/CLAG/2014 | 02/10/2014 | - V/v Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng |

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

02 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó đảm bảo 1/3 số thành viên là thành viên Hội đồng quản trị độc lập có nhiệm vụ và chức năng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và sự phân công trong HĐQT. Ngoài ra các Thành viên HĐQT không điều hành là những cố vấn cao cấp của công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật, những chuyên gia về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

HĐQT có năm thành viên, Ba thành viên điều hành có 01 thành viên là Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh ; 01 thành viên chuyên ngành Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu; 01 thành viên là cử nhân chuyên ngành Quản lý nhân sự Trường Đại học La trobe (Australia).

Hai thành viên không điều hành 01 thành viên là người hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc nuôi trồng, chế biến thủy sản. 01 thành viên là quản lý cấp cao của các công ty nước ngoài tại Việt nam

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| <i>Stt</i> | <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Tỷ lệ %</i> | <i>Ghi chú</i> |
|------------|--------------------|----------------------|----------------|----------------|
| 1 | Phù Chí Khai | Trưởng Ban kiểm soát | 0,003% | |
| 2 | Phạm Thị Hồng Ngọc | Thành viên BKS | 0,016% | |
| 3 | Nguyễn Tấn Tới | Thành viên BKS | 0,01% | |

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát luôn phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty. Như tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến về các kế hoạch, các giải pháp phát triển kinh doanh, kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm...

Phối hợp HĐQT về việc tổ chức điều hành Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ.

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Họ và Tên | Chức vụ | Tiền lương | Phụ cấp trách nhiệm | Tổng cộng |
|-----|----------------------|-------------------------------------|-------------|---------------------|-------------|
| 1 | Trần Văn Nhân | TV. HĐQT (Cố vấn cao cấp) | 191.408.000 | 120.000.000 | 311.408.000 |
| 2 | Trần Thị Vân Loan | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc | 286.844.000 | 240.000.000 | 526.844.000 |
| 3 | Trần Tuấn Khanh | TV. HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 122.816.000 | 120.000.000 | 242.816.000 |
| 4 | Nguyễn Thị Hoàng Yến | TV. HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 78.061.000 | 48.000.000 | 126.061.000 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Trang | TV. HĐQT Độc lập | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Phù Chí Khai | Trưởng ban kiểm soát | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Nguyễn Tấn Tới | TV. BKS | 63.411.000 | 36.000.000 | 99.411.000 |
| 8 | Phạm Thị Hồng Ngọc | TV.BKS | 124.600.000 | 36.000.000 | 160.600.000 |

Ghi chú: Ngoài lương và phụ cấp trách nhiệm theo công việc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận khoản thù lao hay lợi ích nào khác từ Công ty.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng/giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng ...) |
|-----|---------------------------|------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|--------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Trần Thị Vân Loan | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD | 3.007.009 | 16,34% | 3.978.439 | 21,62% | Mua |

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính: (Theo file đính kèm)

**Xác nhận của đại diện theo pháp
luật của Công ty**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Vân Loan

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014 | 14 - 42 |
| 8. Phụ lục | 43 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 : 183.996.750.000 VND
Tổng số cổ phần : 18.399.675 cổ phần
Mệnh giá cổ phần : 10.000 VND/cổ phần

| <i>Cổ đông</i> | <i>Số cổ phần</i> | <i>Giá trị cổ phần (VND)</i> | <i>Tỷ lệ (%)</i> |
|-------------------------|-------------------|------------------------------|------------------|
| 1. Ông Trần Văn Nhân | 1.052.437 | 10.524.370.000 | 5,72 |
| 2. Bà Trần Thị Vân Loan | 3.007.009 | 30.070.090.000 | 16,34 |
| 3. Ông Trần Tuấn Khanh | 1.079.436 | 10.794.360.000 | 5,87 |
| 4. Các cổ đông khác | 13.260.793 | 132.607.930.000 | 72,07 |
| Cộng | 18.399.675 | 183.996.750.000 | 100,00 |

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 05 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là ACL.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821
Fax : (076) 3.932.446
E-mail : clfish@vnn.vn
Website : www.clfish.com
Mã số thuế : 1600680398

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh); Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...); Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản; Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì; Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin); Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc; Sản xuất bao bì; Cho thuê kho lạnh; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH-HĐQT/CLAG2014 ngày 24 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản ký quỹ (chi phí Bond) để được bán cá tra vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 số tiền là 150.000 USD (tương đương 3.186.900.000 VND).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHDCĐ/CLAG/2014 ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, lợi nhuận sau thuế năm 2013 được giữ lại để cân đối nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT-CLAG/2015 ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị, đã thông qua việc chia cổ tức năm 2014 là 5%/mệnh giá (500VND/cổ phần).

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| 1. Bà Trần Thị Vân Loan | Chủ tịch | 07 tháng 6 năm 2010 | - |
| 2. Ông Trần Văn Nhân | Thành viên | 07 tháng 6 năm 2010 | - |
| 3. Ông Trần Tuấn Khanh | Thành viên | 09 tháng 4 năm 2007 | - |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến | Thành viên | 16 tháng 4 năm 2013 | - |
| 5. Ông Nguyễn Ngọc Trang | Thành viên | 16 tháng 4 năm 2013 | - |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên | Trưởng ban | 17 tháng 4 năm 2012 | - |
| 2. Ông Nguyễn Tấn Tới | Thành viên | 09 tháng 4 năm 2007 | - |
| 3. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc | Thành viên | 31 tháng 3 năm 2008 | - |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| 1. Bà Trần Thị Vân Loan | Tổng Giám đốc | 13 tháng 11 năm 2007 | - |
| 2. Ông Trần Tuấn Khanh | Phó Tổng Giám đốc | 18 tháng 10 năm 2007 | - |
| 3. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến | Phó Tổng Giám đốc | 27 tháng 3 năm 2013 | - |
| 4. Bà Nguyễn Thị Bích Vân | Kế toán trưởng | 24 tháng 6 năm 2010 | 02 tháng 10 năm 2014 |
| 5. Ông Trương Minh Duy | Kế toán trưởng | 02 tháng 10 năm 2014 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

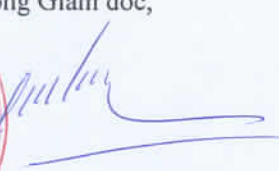
Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,




Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Số: 0189/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1

Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0088-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 100 | | 582.107.097.202 | 457.619.190.390 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | | 110 | V.1 | 28.785.124.424 | 8.575.263.155 |
| 1. Tiền | | 111 | | 28.785.124.424 | 8.575.263.155 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 130 | | 229.128.788.614 | 230.048.398.391 |
| 1. Phải thu khách hàng | | 131 | V.2 | 237.270.418.876 | 221.327.568.816 |
| 2. Trả trước cho người bán | | 132 | V.3 | 2.799.426.026 | 18.020.725.358 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | | 135 | V.4 | 872.135.572 | 798.284.049 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | 139 | V.5 | (11.813.191.860) | (10.098.179.832) |
| IV. Hàng tồn kho | | 140 | | 297.528.217.603 | 194.453.743.961 |
| 1. Hàng tồn kho | | 141 | V.6 | 297.528.217.603 | 194.453.743.961 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | | 150 | | 26.664.966.561 | 24.541.784.883 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 151 | V.7 | 479.521.899 | 1.126.727.348 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 152 | | 25.754.945.256 | 22.980.671.183 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | | 158 | V.8 | 430.499.406 | 434.386.352 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 255.233.815.978 | 261.337.451.385 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 245.668.340.815 | 251.663.681.090 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 189.335.752.220 | 186.597.589.193 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 282.565.264.082 | 263.756.460.874 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (93.229.511.862) | (77.158.871.681) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 49.640.884.101 | 51.653.419.185 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 58.670.210.862 | 58.670.210.862 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (9.029.326.761) | (7.016.791.677) |
| 4. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.11 | 6.691.704.494 | 13.412.672.712 |
| III. | Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| | <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.621.557.111 | 2.621.557.111 |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. | Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.12 | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.13 | (978.442.889) | (978.442.889) |
| V. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.943.918.052 | 7.052.213.184 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.14 | 5.782.014.472 | 1.829.565.312 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.15 | 926.888.580 | 1.827.801.872 |
| 3. | Tài sản dài hạn khác | 268 | V.16 | 235.015.000 | 3.394.846.000 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 837.340.913.180 | 718.956.641.775 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | | 300 | | 556.952.420.410 | 447.693.459.992 |
| I. Nợ ngắn hạn | | 310 | | 545.255.807.591 | 423.625.344.999 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn. | | 311 | V.17 | 472.718.403.104 | 365.262.251.372 |
| 2. Phải trả người bán | | 312 | V.18 | 47.308.278.407 | 31.413.760.409 |
| 3. Người mua trả tiền trước | | 313 | V.19 | 6.866.545.093 | 1.649.851.956 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 314 | V.20 | 173.585.724 | 378.626.768 |
| 5. Phải trả người lao động | | 315 | V.21 | 4.842.468.156 | 4.393.865.245 |
| 6. Chi phí phải trả | | 316 | V.22 | 4.634.442.898 | 9.139.009.362 |
| 7. Phải trả nội bộ | | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | 319 | V.23 | 1.928.055.344 | 1.593.903.302 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 323 | V.24 | 6.784.028.865 | 9.794.076.585 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | | 330 | | 11.696.612.819 | 24.068.114.993 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | | 334 | V.25 | 11.387.591.169 | 23.887.591.169 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | 335 | V.26 | 309.021.650 | 180.523.824 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 400 | | 280.388.492.770 | 271.263.181.783 |
| I. Vốn chủ sở hữu | | 410 | | 280.388.492.770 | 271.263.181.783 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 411 | V.27 | 183.996.750.000 | 183.996.750.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 412 | V.27 | 19.920.224.200 | 19.920.224.200 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 413 | V.27 | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | | 414 | V.27 | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | | 417 | V.27 | 2.571.767.056 | 2.571.767.056 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | | 418 | V.27 | 11.152.588.371 | 14.339.488.371 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 420 | V.27 | 62.747.163.143 | 50.434.952.156 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 440 | | 837.340.913.180 | 718.956.641.775 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------|-------------|-------------|---|------------|---|
| | | | | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | - | - | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | - | - | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | | - | - | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | - | - | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | | 638.786,17 | | 201.900,73 | |
| Euro (EUR) | | | 228,36 | | 231,76 | |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | | - | - | - | - |

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Trương Minh Duy
Người lậpTrương Minh Duy
Kế toán trưởngTrần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 855.713.208.203 | 990.819.376.809 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 1.223.474.796 | 3.607.717.819 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 854.489.733.407 | 987.211.658.990 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 732.310.352.861 | 832.857.992.601 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 122.179.380.546 | 154.353.666.389 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 2.851.602.963 | 3.521.697.462 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 24.097.980.330 | 28.559.728.891 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | 19.965.557.756 | 26.963.745.985 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 57.506.453.018 | 97.455.892.183 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 28.775.990.129 | 26.224.756.870 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 14.650.560.032 | 5.634.985.907 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 6.900.000 | 6.856.944 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 568.901.816 | 183.170.161 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (562.001.816) | (176.313.217) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 14.088.558.216 | 5.458.672.690 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.20 | 746.936.111 | 1.123.155.366 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | 1.029.411.118 | (812.700.448) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 12.312.210.987 | 5.148.217.772 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 669 | 280 |

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015


Trương Minh Duy
Người lập

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 14.088.558.216 | 5.458.672.690 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.9, V.10 | 25.536.800.099 | 22.014.936.673 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 1.715.012.028 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.4 | 71.888.722 | (354.835.882) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (419.681.682) | (168.529.922) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 19.965.557.756 | 26.963.745.985 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 60.958.135.139 | 53.913.989.544 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2.700.824.670) | (11.420.710.450) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (103.074.473.642) | 151.198.069.484 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 17.268.018.310 | (53.277.270.163) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (3.305.243.711) | 219.162.256 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (19.847.206.722) | (27.275.719.680) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.20 | (948.946.875) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (3.036.401.720) | (4.853.073.714) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (54.686.943.891) | 108.504.447.277 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.11 | (19.541.459.824) | (51.423.905.515) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3 | 419.681.682 | 168.529.922 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (19.121.778.142) | (51.255.375.593) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.17, V.25 | 1.194.698.909.662 | 1.139.420.892.102 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.17, V.25 | (1.100.740.324.704) | (1.189.798.916.274) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (8.279.853.750) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 93.958.584.958 | (58.657.877.922) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 20.149.862.925 | (1.408.806.238) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 8.575.263.155 | 9.990.690.435 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 59.998.344 | (6.621.042) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 28.785.124.424 | 8.575.263.155 |

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Trương Minh Duy
Người lập



Trương Minh Duy
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 1.508 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.347 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH-HDQT/CLAG2014 ngày 24 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản ký quỹ (chi phí Bond) để được bán cá tra vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 số tiền là 150.000 USD (tương đương 3.186.900.000 VND).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi,

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 35 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 – 10 |

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và kho bãi chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế |
|-----------------------------|--|---------------------------------------|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | 04% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | 01% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 05% |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.086 VND/USD
: 28.967 VND/EUR
31/12/2014 : 21.365 VND/USD
25.699 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 1.859.936.482 | 1.179.102.760 |
| Tiền gửi ngân hàng | 26.925.187.942 | 7.396.160.395 |
| Cộng | <u>28.785.124.424</u> | <u>8.575.263.155</u> |

2. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Khách hàng trong nước | 45.491.348.057 | 25.093.216.307 |
| Khách hàng nước ngoài | 191.779.070.819 | 196.234.352.509 |
| Cộng | <u>237.270.418.876</u> | <u>221.327.568.816</u> |

Một số công nợ phải thu có tổng giá trị ghi sổ là 159.777.500.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

3. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 2.799.426.026 | 17.809.589.656 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | - | 211.135.702 |
| Cộng | <u>2.799.426.026</u> | <u>18.020.725.358</u> |

4. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu (*) | 619.430.200 | 619.430.200 |
| Phải thu khác | 252.705.372 | 178.853.849 |
| Cộng | <u>872.135.572</u> | <u>798.284.049</u> |

(*) Lãi tạm tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 khoản tiền ứng trước mua cá nguyên liệu cho Bà Trịnh Thị Hương.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 11.813.191.860 | 10.098.179.832 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm | - | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | - | - |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | - | 3.181.507.172 |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên | 11.813.191.860 | 6.916.672.660 |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | - | - |
| Cộng | <u>11.813.191.860</u> | <u>10.098.179.832</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 10.098.179.832 | 7.978.493.695 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 1.715.012.028 | 2.119.686.137 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 11.813.191.860 | 10.098.179.832 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 32.812.841.345 | 20.365.059.837 |
| Công cụ, dụng cụ | 3.241.868.002 | 2.542.479.235 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 94.382.305.051 | 78.266.452.523 |
| Thành phẩm | 162.719.318.411 | 86.289.523.920 |
| Hàng gửi đi bán | 4.371.884.794 | 6.990.228.446 |
| Cộng | 297.528.217.603 | 194.453.743.961 |

Toàn bộ thành phẩm tồn kho có tổng giá trị ghi sổ là 162.719.318.411 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa | - | 238.484.355 |
| Công cụ dụng cụ | 479.521.899 | 888.242.993 |
| Cộng | 479.521.899 | 1.126.727.348 |

8. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 107.287.336.774 | 151.831.806.303 | 2.921.409.244 | 1.715.908.553 | 263.756.460.874 |
| Tăng trong năm | 914.680.463 | 25.347.747.579 | - | - | 26.262.428.042 |
| Mua sắm mới | 228.527.273 | 14.817.589.908 | - | - | 15.046.117.181 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 686.153.190 | 10.530.157.671 | - | - | 11.216.310.861 |
| Giảm trong năm | - | (7.129.617.898) | (51.000.000) | (273.006.936) | (7.453.624.834) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (7.129.617.898) | (51.000.000) | (273.006.936) | (7.453.624.834) |
| Số cuối năm | 108.202.017.237 | 170.049.935.984 | 2.870.409.244 | 1.442.901.617 | 282.565.264.082 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | 49.636.364 | 49.636.364 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 22.344.611.384 | 52.440.790.365 | 1.752.035.331 | 621.434.601 | 77.158.871.681 |
| Khấu hao trong năm | 8.694.853.351 | 14.310.912.932 | 310.369.104 | 208.129.628 | 23.524.265.015 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (7.129.617.898) | (51.000.000) | (273.006.936) | (7.453.624.834) |
| Số cuối năm | 31.039.464.735 | 59.622.085.399 | 2.011.404.435 | 556.557.293 | 93.229.511.861 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------|
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 84.942.725.390 | 99.391.015.938 | 1.169.373.913 | 1.094.473.952 | 186.597.589.193 |
| Số cuối năm | 77.162.552.502 | 110.427.850.585 | 859.004.809 | 886.344.324 | 189.335.752.220 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 114.416.611.398 VND và 70.939.782.484 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 58.461.610.862 | 208.600.000 | 58.670.210.862 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 58.461.610.862 | 208.600.000 | 58.670.210.862 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 6.992.455.008 | 24.336.669 | 7.016.791.677 |
| Khấu hao trong năm | 1.970.815.080 | 41.720.004 | 2.012.535.084 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 8.963.270.088 | 66.056.673 | 9.029.326.761 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 51.469.155.854 | 184.263.331 | 51.653.419.185 |
| Số cuối năm | 49.498.340.774 | 142.543.327 | 49.640.884.101 |

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 41.489.875.186 VND và 32.589.034.114 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|---|----------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|---------------|
| Mua sắm TSCĐ | - | - | - | - | - |
| XDCB dở dang | 6.266.493.492 | 12.003.729.288 | (11.216.310.861) | (362.207.425) | 6.691.704.494 |
| - Nhà máy chế biến thức ăn | 44.707.073 | 24.818.182 | (69.525.255) | - | - |
| - Phân xưởng 2 | 85.659.205 | 835.909.091 | (871.873.091) | (49.695.205) | - |
| - Bè nuôi cá | - | 868.089.500 | - | (312.512.220) | 555.577.280 |
| - Chi phí di dời 28 hộ dân dọc Sông Hậu | 4.350.430.623 | - | - | - | 4.350.430.623 |
| - Các hạng mục khác | 1.785.696.591 | 10.274.912.515 | (10.274.912.515) | - | 1.785.696.591 |
| Sửa chữa lớn TSCĐ | 7.146.179.220 | 1.033.905.287 | - | (8.180.084.507) | - |
| Cộng | 13.412.672.712 | 13.037.634.575 | (11.216.310.861) | (8.542.291.932) | 6.691.704.494 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty cổ phần Tô Châu | 300.000 | 3.600.000.000 | 300.000 | 3.600.000.000 |
| Cộng | | 3.600.000.000 | | 3.600.000.000 |

Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000đ/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/cổ phiếu.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 978.442.889 | - |
| Trích lập dự phòng trong năm | - | 978.442.889 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 978.442.889 | 978.442.889 |

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tô Châu theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

14. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Kết chuyển vào | Số cuối năm |
|------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | | | chi phí SXKD trong năm | |
| Chi phí sửa chữa | 338.091.984 | 9.081.637.570 | (5.618.578.505) | 3.801.151.049 |
| Công cụ dụng cụ | 1.491.473.328 | 526.063.817 | (36.673.722) | 1.980.863.423 |
| Cộng | 1.829.565.312 | 9.607.701.387 | (5.655.252.227) | 5.782.014.472 |

15. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.827.801.872 | 896.520.620 |
| Phát sinh trong năm | 926.888.580 | 1.827.801.872 |
| Hoàn nhập trong năm | (1.827.801.872) | (896.520.620) |
| Số cuối năm | 926.888.580 | 1.827.801.872 |

16. Tài sản dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|--------------------|----------------------|
| Ký quỹ, ký cược dài hạn (*) | 235.015.000 | 3.394.846.000 |
| Cộng | 235.015.000 | 3.394.846.000 |

(*) Trong đó: khoản ký quỹ số tiền 150.000 USD (tương đương 3.195.000.000 VND) mở LC Bond để bán cá tra fillet vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã hết thời hạn và khoản ký quỹ này xem như là khoản chi phí không thu hồi được. Công ty đã dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản tổn thất này (xem thuyết minh V.27).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 460.218.403.104 | 352.762.251.372 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽¹⁾ | 85.190.332.604 | 41.028.571.714 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽²⁾ | 124.570.096.003 | 152.688.364.920 |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽³⁾ | 34.796.191.001 | 38.646.420.800 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽⁴⁾ | 49.201.458.500 | 26.212.006.600 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽⁵⁾ | 79.673.558.496 | 63.757.680.738 |
| - Ngân hàng Natixis - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ⁽⁶⁾ | 47.035.047.500 | 30.429.206.600 |
| - Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ ⁽⁷⁾ | 30.765.600.000 | - |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽⁸⁾ | 8.986.119.000 | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25) | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 |
| Cộng | <u>472.718.403.104</u> | <u>365.262.251.372</u> |

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản và chế biến thức ăn thủy sản (phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất.
- (2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, nhu cầu phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng nợ phải thu và máy móc thiết bị.
- (4) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, xuất khẩu cá tra. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho.
- (5) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn chế biến thủy sản xuất khẩu và nuôi cá tra. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho.
- (6) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho.
- (7) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.
- (8) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cá tra xuất khẩu, chiết khấu hối phiếu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:**

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Chênh lệch tỷ giá cuối năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------|------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 352.762.251.372 | 1.194.698.909.662 | 997.566.774 | (1.088.240.324.704) | 460.218.403.104 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 | - | (12.500.000.000) | 12.500.000.000 |
| Cộng | 365.262.251.372 | 1.207.198.909.662 | 997.566.774 | (1.100.740.324.704) | 472.718.403.104 |

18. Phải trả cho người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 47.308.278.407 | 31.267.391.921 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | - | 146.368.488 |
| Cộng | 47.308.278.407 | 31.413.760.409 |

19. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Khách hàng trong nước | 4.744.696.578 | 1.242.844.030 |
| Khách hàng nước ngoài | 2.121.848.515 | 407.007.926 |
| Cộng | 6.866.545.093 | 1.649.851.956 |

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 198.078.874 | (198.078.874) | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 260.221.311 | (260.221.311) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 369.211.854 | 746.936.111 | (948.946.875) | 167.201.090 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 6.651.314 | 78.783.823 | (79.050.503) | 6.384.634 |
| Thuế tài nguyên | 2.763.600 | 50.134.160 | (52.897.760) | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 26.609.796 | (26.609.796) | - |
| Các loại thuế khác | - | 37.407.362 | (37.407.362) | - |
| Cộng | 378.626.768 | 1.398.171.437 | (1.603.212.481) | 173.585.724 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

| | |
|---------------------------|---------------------|
| Hàng hóa xuất khẩu | 0% |
| Hàng hóa tiêu thụ nội địa | Không chịu thuế, 5% |
| Dịch vụ | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trong 10 năm, năm 2014 là năm cuối được hưởng ưu đãi thuế suất. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 22%.

Năm 2009 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 20% trong 10 năm, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2014 là năm thứ 04 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2014 là năm thứ 02 dự án được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2014 là năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 14.088.558.216 | 5.458.672.690 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 5.486.533.632 | 9.329.829.523 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | <u>(10.064.687.414)</u> | <u>(9.248.395.122)</u> |
| Thu nhập chịu thuế | 9.510.404.434 | 5.540.107.091 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗ các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 9.510.404.434 | 5.540.107.091 |
| Trong đó: | | |
| - Thu nhập tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%) | 2.857.787.102 | 34.107.928 |
| - Thu nhập tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%) | 5.832.441.757 | 2.127.838.316 |
| - Thu nhập tính thuế của hoạt động không được hưởng ưu đãi (thuế suất 22%) | <u>820.175.575</u> | <u>3.378.160.847</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | <u>1.775.595.044</u> | <u>1.275.224.064</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn | <u>(609.106.692)</u> | <u>(5.116.189)</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% | <u>(419.552.241)</u> | <u>(146.952.509)</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>746.936.111</u> | <u>1.123.155.366</u> |

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang.

Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong thời hạn 06 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 93/CN.UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ngày 26 tháng 5 năm 2005.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Phải trả người lao động**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả người lao động | 4.842.468.156 | 4.393.865.245 |
| Cộng | 4.842.468.156 | 4.393.865.245 |

Lương tháng 12 năm 2014 còn phải trả cho nhân viên.

22. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí tiền điện thoại | 2.012.500 | 1.078.850 |
| Chi phí hoa hồng | - | 115.644.569 |
| Chi phí lãi vay ngắn hạn | 486.019.765 | 367.668.731 |
| Chi phí lưu kho | 411.874.061 | - |
| Chi phí cước tàu và phí chứng từ | 1.639.317.170 | 6.806.227.942 |
| Chi phí vi sinh | 72.597.307 | 114.999.000 |
| Chi phí vận chuyển | 1.976.782.895 | 1.300.471.230 |
| Chi phí khác | 45.839.200 | 432.919.040 |
| Cộng | 4.634.442.898 | 9.139.009.362 |

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 1.484.380.142 | 1.153.869.902 |
| Bảo hiểm xã hội | 332.117.760 | 334.071.360 |
| Phải trả khác | 111.557.442 | 105.962.040 |
| Cộng | 1.928.055.344 | 1.593.903.302 |

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------------------|----------------------|---|------------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.960.529.039 | - | (1.960.529.039) | - |
| Quỹ phúc lợi | 1.611.433.094 | - | (26.106.268) | 1.585.326.826 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 6.222.114.452 | - | (1.023.412.413) | 5.198.702.039 |
| Cộng | 9.794.076.585 | - | (3.010.047.720) | 6.784.028.865 |

25. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang | 11.387.591.169 | 23.887.591.169 |
| Cộng | 11.387.591.169 | 23.887.591.169 |

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 13%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 11.387.591.169 | 23.887.591.169 |
| Trên 05 năm | - | - |
| Tổng nợ | <u>23.887.591.169</u> | <u>36.387.591.169</u> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 23.887.591.169 | 16.756.061.845 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | - | 20.320.300.247 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | - | (688.770.923) |
| Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả | (12.500.000.000) | (12.500.000.000) |
| Số cuối năm | <u>11.387.591.169</u> | <u>23.887.591.169</u> |

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | 180.523.824 | 61.943.020 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 185.135.610 | 118.580.804 |
| Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước | (56.637.784) | - |
| Số cuối năm | <u>309.021.650</u> | <u>180.523.824</u> |

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|-----------------------------|
| Chi trả cổ tức năm trước (4,5% mệnh giá) | - | 8.279.853.750 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>8.279.853.750</u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 18.399.675 | 18.399.675 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 18.399.675 | 18.399.675 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 18.399.675 | 18.399.675 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 18.399.675 | 18.399.675 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 18.399.675 | 18.399.675 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Chi tiết phát sinh Quỹ dự phòng tài chính trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 14.339.488.371 | 17.437.617.397 |
| Bù đắp dự phòng nợ phải thu khó đòi đã quá hạn | - | (3.098.129.026) |
| Bù đắp khoản chi phí Coupon không thu hồi được (*) | (3.186.900.000) | - |
| Số cuối năm | <u>11.152.588.371</u> | <u>14.339.488.371</u> |

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH-HĐQT/CLAG2014 ngày 24 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản ký quỹ (chi phí Bond) để được bán cá tra vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 số tiền là 150.000 USD (tương đương 3.186.900.000 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | 855.713.208.203 | 990.819.376.809 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 326.925.799 | - |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 648.687.685.400 | 831.679.899.496 |
| - Doanh thu bán phụ phẩm | 133.231.782.485 | 136.035.672.013 |
| - Doanh thu bán thức ăn | 73.466.814.519 | 23.018.521.108 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | - | 85.284.192 |
| Các Khoản giảm trừ doanh thu: | (1.223.474.796) | (3.607.717.819) |
| - Hàng bán trả lại | (967.656.000) | (2.994.025.000) |
| - Giảm giá hàng bán | (255.818.796) | (613.692.819) |
| Doanh thu thuần | <u>854.489.733.407</u> | <u>987.211.658.990</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa | 326.925.799 | - |
| - Doanh thu thuần bán thành phẩm | 647.464.210.604 | 828.072.181.677 |
| - Doanh thu thuần bán phụ phẩm | 133.231.782.485 | 136.035.672.013 |
| - Doanh thu thuần bán thức ăn | 73.466.814.519 | 23.018.521.108 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | - | 85.284.192 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 307.804.000 | - |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾ | 732.002.548.861 | 832.857.992.601 |
| Cộng | <u>732.310.352.861</u> | <u>832.857.992.601</u> |

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 658.062.877.139 | 531.552.321.478 |
| Chi phí nhân công trực tiếp | 72.622.036.257 | 63.718.228.197 |
| Chi phí sản xuất chung | 91.244.938.833 | 75.468.694.446 |
| Tổng chi phí sản xuất | 821.929.852.229 | 670.739.244.121 |
| Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang | (16.115.852.529) | 93.659.221.350 |
| Tổng giá thành sản xuất | 805.813.999.700 | 764.398.465.471 |
| Chênh lệch thành phẩm tồn kho | (76.429.794.491) | 74.449.205.512 |
| Chênh lệch hàng gửi đi bán | 2.618.343.652 | (5.989.678.382) |
| Giá vốn thành phẩm đã cung cấp | <u>732.002.548.861</u> | <u>832.857.992.601</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 52.391.082 | 63.600.541 |
| Lãi cho vay | 419.681.682 | 168.529.922 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 2.379.530.199 | 2.966.779.117 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 322.787.882 |
| Cộng | <u>2.851.602.963</u> | <u>3.521.697.462</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 19.965.557.756 | 26.963.745.985 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 4.060.533.852 | 1.595.982.906 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 71.888.722 | - |
| Cộng | <u>24.097.980.330</u> | <u>28.559.728.891</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí vật liệu bao bì | 22.792.226.512 | 31.786.843.618 |
| Chi phí vi sinh | 2.668.980.070 | 2.276.736.405 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 32.045.246.436 | 63.392.312.160 |
| Cộng | <u>57.506.453.018</u> | <u>97.455.892.183</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 12.796.504.597 | 13.217.602.561 |
| Chi phí vật liệu quản lý | - | 6.970.000 |
| Chi phí công cụ văn phòng | 346.352.142 | 486.904.737 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 843.728.732 | 853.168.335 |
| Thuế, phí và lệ phí | 562.363.068 | 281.659.476 |
| Chi phí dự phòng | 1.715.012.028 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.751.788.606 | 9.767.541.687 |
| Chi phí khác | 2.760.240.956 | 1.610.910.074 |
| Cộng | <u>28.775.990.129</u> | <u>26.224.756.870</u> |
| 7. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Thu khuyến mãi | 6.900.000 | 6.856.944 |
| Cộng | <u>6.900.000</u> | <u>6.856.944</u> |
| 8. Chi phí khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi hỗ trợ | 105.650.835 | 73.621.570 |
| Chi mua quà biếu | 312.350.744 | 18.645.000 |
| Chi nộp phạt | 83.786.399 | 32.523.252 |
| Chi phí khác | 67.113.838 | 58.380.339 |
| Cộng | <u>568.901.816</u> | <u>183.170.161</u> |
| 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 128.497.826 | 118.580.804 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 900.913.292 | - |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | - | (931.281.252) |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | <u>1.029.411.118</u> | <u>(812.700.448)</u> |
| 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 12.312.210.987 | 5.148.217.772 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 12.312.210.987 | 5.148.217.772 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*) | 18.399.675 | 18.399.675 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>669</u> | <u>280</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỪU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 18.399.675 | 18.399.675 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 18.399.675 | 18.399.675 |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 692.805.264.527 | 572.479.242.029 |
| Chi phí nhân công | 99.575.444.542 | 90.079.894.385 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 25.536.800.099 | 22.014.936.673 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 84.807.785.565 | 134.152.203.972 |
| Chi phí khác | 5.487.000.643 | 2.840.532.261 |
| Cộng | 908.212.295.376 | 821.566.809.320 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cừu Long An Giang phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 10 (POR 10 từ ngày 01 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cừu Long An Giang phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,97 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Hiện tại, Bộ Thương mại Mỹ chưa có phán quyết của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 11 (POR 11 từ ngày 01/8/2013 đến ngày 31/7/2014) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam.

Công ty chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT-CLAG/2015 ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị, đã thông qua việc chia cổ tức năm 2014 là 5%/mệnh giá (500VND/cổ phần).

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|---------------|-----------|
| Ban điều hành | | |
| Ứng trước tiền mua thức ăn | 1.100.000.000 | - |
| Các cá nhân có liên quan | | |
| Bán thức ăn | 3.728.460.238 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|----------------------|------------|
| Ban điều hành | 1.100.000.000 | - |
| Các cá nhân có liên quan | 235.116.750 | - |
| Cộng nợ phải trả | 1.335.116.750 | - |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 796.000.000 | 1.226.343.299 |
| Thưởng | 4.000.000 | - |
| Phụ cấp | 849.340.000 | 643.000.000 |
| Cộng | 1.649.340.000 | 1.869.343.299 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|-----------------------------|
| Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á | Công ty có quan hệ gia đình |
| Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long | Công ty có quan hệ gia đình |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á | | |
| Thuê gia công thành phẩm | 19.364.610.000 | 14.788.914.000 |
| Phí đóng cont | 497.047.122 | - |
| Bán thức ăn | 64.523.687.615 | 24.169.447.160 |
| Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long | | |
| Mua thức ăn thủy sản | 1.126.236.000 | 6.338.534.622 |
| Mua nguyên liệu sản xuất thức ăn | 4.998.532.381 | - |
| Thuê gia công thức ăn thủy sản | 1.449.230.400 | - |
| Bán phụ phẩm | 3.959.699.268 | 1.925.518.896 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á</i> | | |
| Phải thu tiền bán thức ăn | 36.079.282.000 | 8.920.413.600 |
| <i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long</i> | | |
| Phải thu tiền bán phụ phẩm | - | 1.651.392.896 |
| Cộng nợ phải thu | <u>36.079.282.000</u> | <u>10.571.806.496</u> |
| <i>Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á</i> | | |
| Phải trả tiền gia công | 7.757.232.000 | 4.032.582.750 |
| Phải trả phí đóng cont | 521.899.478 | - |
| <i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long</i> | | |
| Phải trả phí gia công thức ăn | 1.416.769.200 | - |
| Cộng nợ phải trả | <u>9.695.900.678</u> | <u>4.032.582.750</u> |

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản, chế biến thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: thương mại, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong năm như sau:

| Năm nay | <u>Lĩnh vực sản xuất</u> | <u>Lĩnh vực khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 854.162.807.608 | 326.925.799 | 854.489.733.407 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | <u>854.162.807.608</u> | <u>326.925.799</u> | <u>854.489.733.407</u> |
| Chi phí bộ phận | (732.002.548.861) | (307.804.000) | (732.310.352.861) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 122.160.258.747 | 19.121.799 | 122.179.380.546 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | (86.282.443.147) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | 35.896.937.399 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | 2.851.602.963 |
| Chi phí tài chính | - | - | (24.097.980.330) |
| Thu nhập khác | - | - | 6.900.000 |
| Chi phí khác | - | - | (568.901.816) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | (746.936.111) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | (1.029.411.118) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | <u>12.312.210.987</u> |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | <u>37.691.453.143</u> | - | <u>37.691.453.143</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | | |
|---|------------------------|-------------------|------------------------|
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | 31.192.052.326 | - | 31.192.052.326 |
| <i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i> | - | - | - |
| Năm trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 987.126.374.798 | 85.284.192 | 987.211.658.990 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 987.126.374.798 | 85.284.192 | 987.211.658.990 |
| Chi phí bộ phận | (832.857.992.601) | - | (832.857.992.601) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 154.268.382.197 | 85.284.192 | 154.353.666.389 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | (123.680.649.053) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | 30.673.017.336 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | 3.521.697.462 |
| Chi phí tài chính | - | - | (28.559.728.891) |
| Thu nhập khác | - | - | 6.856.944 |
| Chi phí khác | - | - | (183.170.161) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | (1.123.155.366) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | 812.700.448 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | 5.148.217.772 |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | 55.003.941.585 | - | 55.003.941.585 |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | 23.932.300.487 | - | 23.932.300.487 |
| <i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i> | - | - | - |

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|------------------------|------------------------|
| Trong nước | 207.025.522.803 | 159.139.477.313 |
| Nước ngoài | 647.464.210.604 | 828.072.181.677 |
| Cộng | 854.489.733.407 | 987.211.658.990 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Cộng |
|--|--------------------------|----------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 834.719.356.069 | - | 834.719.356.069 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 2.621.557.111 |
| Tổng tài sản | | | 837.340.913.180 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Lĩnh vực sản xuất</u> | <u>Lĩnh vực khác</u> | <u>Cộng</u> |
|--|--------------------------|----------------------|------------------------|
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 556.952.420.410 | - | 556.952.420.410 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | | | 556.952.420.410 |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 716.335.084.664 | - | 716.335.084.664 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | 2.621.557.111 |
| Tổng tài sản | | | 718.956.641.775 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 449.961.990.724 | - | 449.961.990.724 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | | | 449.961.990.724 |

5. Điều chỉnh hồi tố và các sai sót

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước theo kiểm tra, quyết toán của Cơ quan thuế đến hết năm 2012 thấp hơn số phải nộp theo báo cáo của đơn vị.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót này đến số liệu so sánh của năm trước trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| | <u>Mã số</u> | <u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u> | | <u>Số liệu sau điều chỉnh</u> |
|-------------------------------------|--------------|--|-----------------|-------------------------------|
| | | <u>Các điều chỉnh</u> | | |
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 2.647.157.500 | (2.268.530.732) | 378.626.768 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 48.166.421.424 | 2.268.530.732 | 50.434.952.156 |

6. Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 296.845.500 | 296.845.500 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 1.187.382.000 | 1.187.382.000 |
| Trên 05 năm | 11.289.679.625 | 11.586.525.125 |
| Cộng | 12.773.907.125 | 13.070.752.625 |

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.8 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|---|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 28.785.124.424 | - | - | - | 28.785.124.424 |
| Phải thu khách hàng | 225.457.227.016 | - | - | 11.813.191.860 | 237.270.418.876 |
| Các khoản phải thu khác | 1.107.150.572 | - | - | - | 1.107.150.572 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | - | - | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| Cộng | 255.349.502.012 | - | - | 15.413.191.860 | 270.762.693.872 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.575.263.155 | - | - | - | 8.575.263.155 |
| Phải thu khách hàng | 209.665.928.763 | - | - | 11.661.640.053 | 221.327.568.816 |
| Các khoản phải thu khác | 4.193.130.049 | - | - | - | 4.193.130.049 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | - | - | 3.600.000.000 | 3.600.000.000 |
| Cộng | 222.434.321.967 | - | - | 15.261.640.053 | 237.695.962.020 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi vay phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 482.889.330.348 | 11.790.962.818 | - | 494.680.293.166 |
| Phải trả người bán | 47.308.278.407 | - | - | 47.308.278.407 |
| Các khoản phải trả khác | 4.746.000.340 | - | - | 4.746.000.340 |
| Cộng | 534.943.609.095 | 11.790.962.818 | - | 546.734.571.913 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 372.216.628.263 | 27.340.645.707 | - | 399.557.273.970 |
| Phải trả người bán | 31.413.760.409 | - | - | 31.413.760.409 |
| Các khoản phải trả khác | 9.244.971.402 | - | - | 9.244.971.402 |
| Cộng | 412.875.360.074 | 27.340.645.707 | - | 440.216.005.781 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 638.786,17 | 228,36 | 201.900,73 | 231,76 |
| Phải thu khách hàng | 8.976.319,72 | - | 9.306.381,13 | - |
| Các khoản phải thu khác | 11.000,00 | - | 161.000,00 | - |
| Vay và nợ | (16.855.142,42) | - | (14.994.414,00) | - |
| Phải trả người bán | - | - | (6.958,00) | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (7.229.036,53) | 228,36 | (5.332.090,14) | 231,76 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.409.394.501 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.686.486.791 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách hạn chế các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty tăng/giảm khoảng 204.481.455 VND (năm trước tăng/giảm khoảng 196.616.783 VND).

Rủi ro về giá nguyên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh V.17). Giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 159.777.500.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 173.902.127.260 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2014.

8. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

| | Giá trị ghi sổ | | | | | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Giá trị hợp lý | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 28.785.124.424 | - | 8.575.263.155 | - | 28.785.124.424 | 8.575.263.155 |
| Phải thu khách hàng | 237.270.418.876 | (11.813.191.860) | 221.327.568.816 | (10.098.179.832) | 225.457.227.016 | 211.229.388.984 |
| Các khoản phải thu khác | 1.107.150.572 | - | 4.193.130.049 | - | 1.107.150.572 | 4.193.130.049 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 3.600.000.000 | (978.442.889) | 3.600.000.000 | (978.442.889) | 2.621.557.111 | 2.621.557.111 |
| Cộng | 270.762.693.872 | (12.791.634.749) | 237.695.962.020 | (11.076.622.721) | 257.971.059.123 | 226.619.339.299 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Vay và nợ | 484.105.994.273 | 389.149.842.541 | 484.105.994.273 |
| Phải trả người bán | 47.308.278.407 | 31.413.760.409 | 47.308.278.407 | 31.413.760.409 |
| Các khoản phải trả khác | 4.746.000.340 | 9.244.971.402 | 4.746.000.340 | 9.244.971.402 |
| Cộng | 536.160.273.020 | 429.808.574.352 | 536.160.273.020 | 429.808.574.352 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Trương Minh Duy
Người lập



Trương Minh Duy
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quy đầu tư phát triển | Quy dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 183.996.750.000 | 19.920.224.200 | 2.571.767.056 | 17.437.617.397 | 53.566.588.134 | 277.492.946.787 |
| Lợi nhuận tăng năm trước | - | - | - | - | 5.148.217.772 | 5.148.217.772 |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | - | (8.279.853.750) | (8.279.853.750) |
| Chi quỹ trong năm trước | - | - | - | (3.098.129.026) | - | (3.098.129.026) |
| Số dư cuối năm trước | 183.996.750.000 | 19.920.224.200 | 2.571.767.056 | 14.339.488.371 | 50.434.952.156 | 271.263.181.783 |
| Số dư đầu năm nay | 183.996.750.000 | 19.920.224.200 | 2.571.767.056 | 14.339.488.371 | 50.434.952.156 | 271.263.181.783 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 12.312.210.987 | 12.312.210.987 |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | - | - | - | - |
| Chi quỹ trong năm nay | - | - | - | (3.186.900.000) | - | (3.186.900.000) |
| Số dư cuối năm nay | 183.996.750.000 | 19.920.224.200 | 2.571.767.056 | 11.152.588.371 | 62.747.163.143 | 280.388.492.770 |

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

Trương Minh Duy
Người lập

